

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 420/2025/HS-ST

Ngày: 05 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Ngọc Huệ

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn V Chung và bà M Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 534/2025/HSST ngày 24/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3647/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Quách Đạo V; Sinh ngày 15/9/1988, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: Số A, đường P, phường M, Quận N (Nay là số A đường P, phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số B, đường T, phường P, quận T (Nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Quách Hoa K và bà: Phan Thị Kim H; Có vợ: Đinh Thái T, sinh năm 1988 và 01 người con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 21/9/2024 – Có mặt.

2. Quách Tuyết M; Sinh ngày 06/3/2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: số C, đường H, phường Đ, quận B (nay là đường H, phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Không rõ và bà: Quách Thu P; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2024 – Có mặt.

3. Cao Thị Thanh T; Sinh ngày 24/9/2000, tại tỉnh Long An (Nay là tỉnh Tây Ninh); Đăng ký thường trú: số D, đường B, phường H, quận B (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động

tự do; Con ông: Cao V H và bà: Không rõ; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2024 – Có mặt.

4. Nguyễn Anh M; Sinh ngày 10/5/1972, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: số E, đường V, phường T, quận M (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số F, đường P, phường L, quận Q (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đình T và bà: Nguyễn Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị Mộng L (đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17/11/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Kinh doanh trái phép” tại Bản án số 338/HSPT;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2024 – Có mặt.

5. Cao Tiến L; Sinh ngày: 16/6/1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: số G, đường C, phường M (nay là phường E), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Cao Duy V và bà: Nguyễn Thị Ngọc L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2024 – Có mặt.

6. Lê Thị Yến N; Sinh ngày: 06/6/1993, tại tỉnh Long An (Nay là tỉnh Tây Ninh); Đăng ký thường trú: ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh); Chỗ ở: số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê V D và bà: Lê Thị B; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2024 – Có mặt.

7. Phan Thị Kim P; Sinh ngày: 14/5/2000, tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); Đăng ký thường trú: thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã M, tỉnh Gia Lai); Chỗ ở: số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phan V T và bà: Nguyễn Thị M; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2024 – Có mặt.

8. Nguyễn Ngọc N; Sinh ngày: 13/3/2003, tại tỉnh Vĩnh Long; Đăng ký thường trú: tổ A, ấp T, xã B, huyện N (nay là xã Q), tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: số I, đường K, phường Q, quận Z (nay là phường K), thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc S (chết) và bà: Lê Thị H; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/9/2024 – Có mặt.

9. Nguyễn Quốc H; Sinh ngày: 21/4/1998, tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); Đăng ký thường trú: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Bình Định (nay là xã M, tỉnh Gia Lai); Chỗ ở hiện nay: số K, đường G, phường X, quận K (nay là phường Z), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn V H và bà: Đoàn Thị Đình T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2024 – Có mặt.

Người bào chữa:

1. Ông Đặng Quốc Hưng là Luật sư Công ty luật TNHH Kết Nối, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Quách Đạo V – Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Lê Thúy là Luật sư Công ty luật TNHH MTV Đông Thành phố, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Quách Đạo V – Có mặt.

3. Bà Tô Thị Bích Liên là Luật sư Công ty luật TNHH Đại Việt, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Quách Tuyết M – Có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn Tòng là Luật sư Công ty luật TNHH Nguyễn Văn Tòng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Quách Tuyết M – Có mặt.

5. Ông Nguyễn V Quỳnh là Luật sư V phòng luật sư Bình Tân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Anh M – Có mặt.

6. Ông Trần Ngọc Hòa là Luật sư Công ty luật Hòa Trần thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Quốc H – Có mặt.

7. Bà Phan Ngọc Huyền Trân là Luật sư Công ty luật TNHH Đám Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Phan Thị Kim P – Có mặt.

8. Ông Nguyễn Quang Vũ là Luật sư Công ty luật TNHH Kết Nối Toàn Cầu Globalink, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Ngọc N – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đinh Thái T; Sinh năm: 1988; Chỗ ở: số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Ông Đinh V B; Sinh năm: 1960; Chỗ ở: số L, đường E, phường I, quận T (nay là phường O), Thành phố Hồ Chí Minh;

Commented [é1]: Nên đổi thành NLQ1 hay chỉ xoá tên chính?

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh V B: Bà Đinh Thái T; Sinh năm: 1988; Chỗ ở: số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

(Theo V bản ủy quyền được lập ngày 21/01/2025, tại V phòng Công chứng Nguyễn Việt Phú – Số 181 Lê V Quới, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân (Nay là phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 18/9/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Quận C tuần tra đến Chung cư A, số M đường A, phường G, quận C (nay là phường J), Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện Quách Tuyết M đang ngồi trên xe gắn máy biển số 59D2-259.93 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Tuyết M tự nguyện lấy trong túi quần của Tuyết M đang mặc ra giao nộp: 01 túi nylon màu trắng, bên trong chứa 05 viên nén hình bánh răng và 06 viên nén màu xám là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 5,3057gam, loại MDMA; 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,0089gam, loại Ketamine. Kiểm tra xe mô tô biển số 59D2-259.93, thu giữ 01 bóp màu hồng, bên trong có nhiều gói nylon chưa qua sử dụng và 01 gói nylon bên trong có 13 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 11,738gam, loại Ketamine; 04 gói nylon chứa 19 viên nén nhiều màu sắc là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 8,9132 gam, loại MDMA; 01 gói nylon in chữ “FERRARI” bên trong chứa chất bột, có khối lượng 7,4659 gam, loại MDMA. Tuyết M khai số ma túy bị thu giữ nêu trên do Quách Đạo V đưa cho Tuyết M cất giữ để bán.

Tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh có mặt Quách Đạo V và Đinh Thái T (vợ của V). Quá trình kiểm tra, V tự nguyện giao nộp: 01 gói nylon màu đỏ in chữ “FERRARI” chứa chất bột là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 7,0188gam, loại Ketamine; 01 gói nylon chứa mảnh vụn màu cam, 01 gói nylon chứa mảnh vụn màu xám, 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu xanh, 01 gói nylon chứa 06 viên nén màu xám, 01 gói nylon chứa 16 viên nén màu tím, 01 gói nylon chứa 11 viên nén màu vàng, 01 gói nylon chứa 07 viên nén màu vàng, tất cả là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 21,685gam, loại MDMA; 17 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 16,4380gam, loại Ketamine; 01 túi vải màu đỏ bên trong có 01 gói nylon chứa 03 viên nén màu hồng là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,4811gam, loại MDMA; 04 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 10,113gam, loại Ketamine.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Quách Đạo V tại nhà số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ: 03 điện

thoại di động hiệu IPHONE; 02 cân điện tử; 02 hộp giấy có chữ “GUCCI” bên trong chứa nhiều gói nylon, chưa qua sử dụng; 01 đoạn ống nhựa màu đen, một đầu được cắt nhọn.

Quách Đạo V khai số ma túy trên V mua của người phụ nữ tên “Khẩu trang” (không rõ lai lịch) đã bán cho Cao Thị Thanh T và Nguyễn Quốc H.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cao Thị Thanh T tại nhà số D, đường B, phường H, quận B (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh không thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Qua truy xét, Tổ công tác kiểm tra hành chính tại nhà số K, đường G, phường X, quận K (nay là phường Z), Thành phố Hồ Chí Minh có mặt Nguyễn Quốc H. H đã tự nguyện lấy trong túi quần phía trước, bên trái của H đang mặc 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,0099 gam, loại Ketamine, H cất giữ để sử dụng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại nhà số K, đường G, phường X, quận K (nay là phường Z), Thành phố Hồ Chí Minh không thu giữ tài liệu, đồ vật gì liên quan đến ma túy.

Số ma túy thu giữ trong vụ án đã được giám định tại Kết luận giám định số 11056/KL-KTHS, số 11057/KL-KTHS, số 11058/KL-KTHS ngày 27/9/2024 và số 11358/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 74, 155, 288, 371).

Ngày 21/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Cao Thị Thanh T về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và Nguyễn Quốc H về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Mở rộng điều tra, ngày 23/9/2024, Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường 5, Quận 10 kiểm tra lưu trú nhà trọ số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt Lê Thị Yên N, Cao Tiên L và Phan Thị Kim P có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên đưa về trụ sở Công an phường để làm rõ. Tại trụ sở, Yên N, L và P khai nhận: Ngày 18/9/2024, Yên N, P và Nguyễn Ngọc N cùng nhau hùn tiền mua ma túy của Nguyễn Anh M để sử dụng tại chỗ ở, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thị Yên N tại số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F) thu giữ gồm: 01 đèn chiếu màu; 01 cái loa; 01 đĩa sứ và 01 thẻ nhựa và 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (Kết quả giám định tìm thấy Ketamine dưới dạng vết).

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Anh M tại nhà số F, đường P, phường L, quận Q (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy.

Commented [é2]: MÃ HOÁ?

Kết quả xét nghiệm chất ma túy: Cao Thị Thanh T, Nguyễn Quốc H, Lê Thị Yến N, Phan Thị Kim P và Nguyễn Ngọc N dương tính với chất ma túy Ketamine.

Ngày 23/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Anh M về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngày 25/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Thị Yến N, Phan Thị Kim P và Nguyễn Ngọc N và Cao Tiên L về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Kết quả điều tra xác định:

Thông qua mạng xã hội Telegram, Quách Đạo V biết 01 người bán ma túy tên “Khẩu trang”, nên nảy sinh ý định mua ma túy về phân chia và bán lại cho người nghiện để hưởng lợi. Quá trình mua bán ma túy, Quách Tuyết M là người phụ giúp V liên lạc với người mua ma túy, nhận thông tin yêu cầu từ người mua để chuyển cho V nhận tiền. Người mua ma túy sẽ chuyển khoản cho V qua tài khoản số 133345678 ngân hàng ACB của V. Sau đó, Tuyết M trực tiếp đi giao ma túy cho người mua. Từ tháng 06/2024 cho đến ngày 18/9/2024, V nhiều lần mua ma túy của “Khẩu trang”. Mỗi lần mua khoảng 50 gam Ketamine với giá 22.000.000 đồng, mua 50 viên thuốc lắc với giá 130.000 đồng/01 viên. “Khẩu trang” cho người đến trước hẻm số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P) giao trực tiếp cho V. Sau đó, V phân chia đóng gói từ 01 gam đến 2,5 gam Ketamine bán lại với giá 800.000 đồng đến 2.300.000 đồng, 01 viên thuốc lắc với giá từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng. Sau khi phân chia, V giao cho Tuyết M cất giữ một phần để khi có khách mua thì Tuyết M chủ động đi giao. Phần còn lại, V cất giữ tại nhà số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P). V và Tuyết M đã bán ma túy cho nhiều người cụ thể:

- Bán cho Cao Thị Thanh T 02 lần: Lần thứ nhất là ngày 06/9/2024, tại trước quán cà phê M, số O, đường F, phường Y, quận A (nay là phường W), Thành phố Hồ Chí Minh M giao cho khách của T 2,5 gam Ketamine với số tiền 2.600.000 đồng, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của V; lần thứ hai là ngày 18/9/2024, T tiếp tục đi giao cho M 2,5 gam Ketamine và 11 viên ma túy có khối lượng 5,3057 gam, loại MDMA, nhưng chưa kịp giao thì bị bắt.

- Bán cho Nguyễn Anh M 02 lần: lần thứ nhất là khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/9/2024, tại số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Tuyết M bán cho Nguyễn Anh M 01 gam Ketamine và 01 viên ma túy với giá 1.300.000 đồng; lần thứ hai là khoảng 14 giờ ngày 18/9/2024, tại trung tâm thương mại Vincom, số N, đường D, quận M (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh M bán cho Anh M 01 gam Ketamine và 04 viên ma túy với giá 2.150.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Quốc H 03 lần nhưng không nhớ cụ thể chỉ nhớ lần gần nhất là ngày 18/9/2024, V bán cho H 2,5 gam Ketamine và Tuyết M là người

giao cho H tại địa chỉ số K, đường G, phường X, quận K (nay là phường Z), Thành phố Hồ Chí Minh.

Cao Thị Thanh T khai nhận: Khoảng tháng 04/2024, khi làm nhân viên tại nhà hàng H thuộc phường U, quận T (nay là phường O), T biết có nhiều khách hỏi mua ma túy các loại nên khi biết V và Tuyết M có bán ma túy thì T đã nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại cho khách hưởng tiền chênh lệch. Khi có khách đặt mua ma túy, T sẽ thỏa thuận số lượng, giá cả với khách trước. Sau đó, T liên hệ với Tuyết M hoặc V qua ứng dụng Zalo để cung cấp số lượng ma túy và địa chỉ của khách cho V hoặc cho Tuyết M và khách sẽ trả tiền qua tài khoản ACB của V. Sau khi khách chuyển tiền, V giữ lại tiền gốc còn phần chênh lệch, V chuyển qua ví MoMo cho T. Từ khoảng tháng 08/2024 cho đến ngày 18/9/2024, T đã nhiều lần đặt mua ma túy của V để bán cho khách nhưng không nhớ cụ thể, chỉ nhớ 02 lần gần nhất là ngày 06/9/2024, một người (không rõ lai lịch) liên hệ với T qua ứng dụng Telegram đặt mua 2,5 gam Ketamine và hẹn giao tại số O, đường F, phường Y, quận A (nay là phường W), Thành phố Hồ Chí Minh, T đồng ý bán rồi liên hệ với Tuyết M đặt mua 2,5 gam Ketamine và nhắn tin địa chỉ của khách cho Tuyết M. Sau đó, Tuyết M cầm 2,5 gam Ketamine đến trước địa chỉ số O, đường F, phường Y, quận A (nay là phường W), Thành phố Hồ Chí Minh rồi gọi Zalo cho T để T thông báo cho khách ra nhận. Một lúc sau, người đàn ông (không rõ lai lịch) ra gặp Tuyết M lấy ma túy và chuyển khoản số tiền 2.600.000 đồng cho V. Sau đó, V chuyển lại cho T 300.000 đồng tiền chênh lệch mà T bán ma túy cho khách; lần thứ hai là ngày 18/9/2024, người phụ nữ (không lai lịch) liên hệ qua ứng dụng Telegram đặt mua gồm 2,5 gam Ketamine với giá 2.600.000 đồng và 11 viên ma túy với giá 280.000 đồng/01 viên, rồi hẹn giao ma túy tại trước khu vực chung cư A, số M đường A, phường G, quận C (nay là phường J). Sau khi thỏa thuận với khách, T nhắn tin thông báo cho Tuyết M và V biết để Tuyết M giao ma túy cho khách, nhưng Tuyết M chưa kịp giao thì bị bắt giữ.

Nguyễn Quốc H khai nhận: Thông qua mạng xã hội Facebook, H biết V có bán ma túy, nên đã 03 lần mua ma túy V về sử dụng. Trong đó, 02 lần đầu H không nhớ rõ thời gian, mỗi lần H mua 01 gói Ketamine với giá 1.000.000 đồng, Tuyết M là người giao ma túy đến và H thanh toán tiền mặt cho Tuyết M; lần gần nhất là khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18/9/2024, H liên hệ với V đặt mua 2,5 gam Ketamine với giá 2.500.000 đồng. Sau đó, Tuyết M mang ma túy đến giao cho H tại trước nhà số K, đường G, phường X, quận K (nay là phường Z). Sau khi nhận được ma túy, H sử dụng tài khoản số 664866666879 ngân hàng VPBank chuyển trả số tiền 2.500.000 đồng đến tài khoản số 133345678 ngân hàng ACB cho V. Tối ngày 18/9/2025, H lấy một ít ma túy ra sử dụng, số còn lại cất giấu trong túi quần cho đến khi Công an kiểm tra tra hành chính nơi ở thì H đã lấy ra giao nộp cho Công an.

Nguyễn Anh M khai nhận phù hợp với lời khai của Quách Tuyết M: Ngày 18/9/2024, Anh M đã 02 lần mua ma túy của M về bán lại để hưởng cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/9/2024, Lê Thị Yến N gọi Zalo cho Anh M nhờ mua 01 gam ketamine và 01 viên ma túy. Sau đó, Anh M liên hệ với Tuyết M hỏi mua 01 gam Ketamine, 01 viên ma túy với giá 1.300.000 đồng và yêu cầu M giao ma túy tại địa chỉ số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh cho Yến N.

- Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/9/2024, người tên Thảo (không rõ lai lịch) gọi Zalo nhờ Anh M mua 01 gam Ketamine và 04 viên ma túy. Sau đó, Anh M liên hệ với Tuyết M hỏi mua thì Tuyết M báo giá 2.150.000 đồng. Anh M đồng ý và yêu cầu Tuyết M giao ma túy qua trung tâm thương mại cho Thảo. Sau đó, Thảo chuyển tiền mua ma túy cho Anh M 2.400.000 đồng, Anh M hưởng lợi 250.000 đồng.

Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N, Phan Thị Kim P khai: Do quen biết với nhau từ trước và đã có lần sử dụng ma túy cùng nhau. Ngày 17/9/2024, Ngọc N, P đến chỗ ở của Yến N và L tại địa chỉ số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh để ăn uống. Sau khi ăn uống xong, Yến N, Ngọc N, P thỏa thuận cùng mua ma túy về để sử dụng chung, Tuyết M trả tiền mua ma túy trước, rồi sẽ tính tổng chia đều cho cả 03 người, tiền mua ma túy mỗi người góp 433.000 đồng. Thống nhất xong, khoảng 02 giờ 00 phút ngày 18/9/2024, Yến N liên hệ với Nguyễn Anh M đặt mua 01 gam Ketamine và 01 viên thuốc lắc rồi chuyển khoản cho Minh tổng số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi nhận ma túy do Quách Tuyết M giao đến, Yến N cầm số ma túy này lên tại Lầu 1 rồi lấy 01 đĩa sứ, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 thẻ nhựa ra để chuẩn bị sử dụng ma túy. Thấy Yến N lấy dụng cụ ra, L lấy tờ tiền 10.000 đồng cuộn tròn thành ống hút để cho Yến N, Ngọc N và P dùng làm dụng cụ ống hút. Tiếp tục, Yến N đổ Ketamine ra đĩa sứ thì L đã lấy thẻ nhựa để trên đĩa cả nhuyển (nấu) Ketamine và chia làm 03 đường cho Yến N, Ngọc N, P lần lượt sử dụng. Sử dụng hết Ketamine, Yến N tiếp tục lấy ra 01 viên thuốc lắc ra cắn một miếng rồi lần lượt đưa cho Ngọc N cùng với P sử dụng hết viên thuốc lắc này, riêng L thì không sử dụng ma túy. Đến ngày 23/9/2024, khi Công an đến kiểm tra lưu trú phát hiện Yến N, P, Ngọc N, L có biểu hiện sử dụng ma túy nên đã mời về trụ sở để làm rõ như đã nêu trên. Kết quả xét nghiệm, Yến N, Ngọc N, P dương tính với chất ma túy.

Cao Tiến L khai nhận: Tháng 2/2023, L thuê căn nhà số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh để ở cùng bạn gái là Lê Thị Yến N. Khoảng 02 giờ ngày 18/9/2024, Sau khi Yến N mua ma túy về thì đưa cho L để xào nấu. L dùng đĩa sứ màu trắng và thẻ ngân hàng ACB cũ cả nhuyển Ketamine, dùng tờ tiền 10.000 đồng rồi cuộn tròn thành ống hút để Yến N, Ngọc N, P cùng nhau sử dụng, còn L thì không sử dụng ma túy.

Vật chứng vụ án:

1. Thu giữ của Quách Đạo V:

- 02 gói giấy được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

- 01 túi nylon bên ngoài ghi vụ (3411/24) bên trong chứa nhiều gói nylon đã qua sử dụng sau khi đã phục vụ giám định dấu vết đường vân;

- 02 cân điện tử; 02 hộp giấy bên ngoài có chữ GUCCI bên trong chứa nhiều túi Nylon chưa qua sử dụng; 01 đoạn ống nhựa màu đen; 01 túi vải màu đỏ;

- 03 điện thoại di động hiệu iphone. V khai 01 cái của V có dùng vào việc mua bán ma túy và 01 cái của Đinh Thái T (vợ V) (Đinh Thái T không biết và không liên quan đến việc mua bán ma túy của V) V có dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy; 01 cái của con V dùng chơi Games.

- Xe mô tô hiệu HONDA biển số 59HA- 060.40. Qua xác minh, xe do V đứng tên chủ sở hữu, V sử dụng vào việc đưa đón con hàng ngày không liên quan đến hành vi phạm tội;

- Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3 màu trắng biển số 51H- 754.79. Qua xác minh, xe do chị Đinh Thái T (vợ V) đứng tên chủ sở hữu, là tài sản riêng của chị Đinh Thái T có từ trước khi kết hôn với V, không liên quan đến hành vi phạm tội của V, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đinh Thái T (bút lục 100).

2. Thu giữ của Quách Tuyết M:

- 02 gói giấy được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

- 01 túi nylon bên ngoài ghi vụ (3412/24) bên trong chứa nhiều gói nylon đã qua sử dụng sau khi đã phục vụ giám định dấu vết đường vân;

- 01 túi nylon màu trắng; 01 miếng bìa in chữ “UHT Fresh Milk”; 01 bóp màu hồng và nhiều gói nylon chưa qua sử dụng, M dùng vào việc đựng ma túy đi giao cho khách;

- 01 điện thoại di động hiệu iphone, M có dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển số 59D2-259.93. Qua xác minh, xe này do ông Đinh Văn B là cha của Đinh Thái T (vợ của V) đứng tên chủ sở hữu. Ông Bân cho Thanh mượn để sử dụng cá nhân, Thanh và ông Bân không biết Quách Đạo V giao chiếc xe này cho Quách Tuyết M sử dụng làm phương tiện phạm tội.

3. Thu giữ của Cao Thị Thanh T: 01 điện thoại di động hiệu iphone, dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy;

4. Thu giữ của Nguyễn Anh M: 01 điện thoại di động hiệu iphone, Minh khai có dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy;

5. Thu giữ của Nguyễn Quốc H:

- 01 gói giấy được niêm phong ghi vụ (3413/24) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu iphone có dùng liên lạc mua ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Samsung sử dụng liên lạc hàng ngày, không liên quan đến ma túy.

6. Thu giữ của Cao Tiến L: 02 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi (01 cái màu đen, 01 cái màu trắng), L khai dùng vào việc liên lạc với bạn bè và người thân trong gia đình, không liên quan đến ma túy.

7. Thu giữ của Lê Thị Yến N:

- 01 gói giấy được niêm phong ghi vụ (3502/24) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Phạm Huỳnh Minh Trí và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn còn lại sau giám định, Yến N cùng đồng bọn dùng vào việc sử dụng ma túy;

- 01 điện thoại di động màu xanh hiệu iphone Yến N dùng để liên lạc và chuyển khoản tiền mua ma túy;

- 01 đèn chiếu màu đen, 01 cái loa, 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa, Yến N cùng đồng bọn dùng vào việc sử dụng ma túy;

8. Thu giữ của Phan Thị Kim P: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, P dùng vào việc liên lạc với bạn bè và người thân trong gia đình, không liên quan đến việc sử dụng trái phép chất ma túy.

9. Thu giữ của Nguyễn Ngọc N: 01 điện thoại di động hiệu iphone Ngọc N dùng vào việc liên lạc với bạn bè và người thân trong gia đình, không liên quan đến việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 187/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 17/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Cao Thị Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Anh M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo: Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N và Phan Thị Kim P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

* Tại phiên Tòa:

- Các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M, Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N, Phan Thị Kim P và Nguyễn Quốc H, đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, không có bị cáo nào có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ theo điểm h khoản 3 khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Quách Đạo V từ 17 đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng;

+ Căn cứ theo điểm h khoản 3 khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Quách Tuyết M từ 16 đến 17 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng;

+ Căn cứ theo điểm b, p khoản 2 khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Thị Thanh T từ 08 đến 09 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng;

+ Căn cứ theo điểm b khoản 2 khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh M từ 07 đến 08 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng;

+ Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Cao Tiến L từ 07 đến 08 năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị Yến N từ 08 đến 09 năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 07 đến 08 năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim P từ 07 đến 08 năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ theo điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất các biện pháp xử lý vật chứng.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Quách Đạo V trình bày quan điểm bào chữa:

- Luật sư Nguyễn Thị Lê Thúy: Không có ý kiến về tội danh đối với bị cáo V, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, ngoài tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, bị cáo V còn các tình tiết giảm nhẹ sau:

Bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính; Có ông bà nội là Quách Xuân L, Trần Thị L và ông ngoại Lê Văn D là người có công với nước, được tặng thưởng các Huân, Huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V 15 năm tù là phù hợp.

- Luật sư Đặng Quốc Hưng: Thống nhất với quan điểm đề nghị của Luật sư Thúy, đồng thời bào chữa bổ sung thêm: Bị cáo V mua bán ma túy với số lượng không lớn trong thời gian ngắn, nên hậu quả cho xã hội không lớn. Việc bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra thể hiện qua việc từ lời khai của bị cáo đã giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng thuận lợi. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

- Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Quách Tuyết M trình bày quan điểm bào chữa:

+ Luật sư Nguyễn Văn Tòng: Không có ý kiến về tội danh đối với bị cáo Tuyết M, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết sau: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, khi phạm tội mới vừa 20 tuổi, sống lệ thuộc người khác nên bị lôi kéo và không được hưởng lợi từ việc phạm tội; bị cáo mới chính là người tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra giải quyết vụ án vì từ bị cáo đã khai ra các bị cáo khác trong vụ án; có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có ông bà ngoại là Quách Xuân L, Trần Thị L là người có công với nước, được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Tuyết M theo quy định tại điểm s, t khoản 1 khoản và 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tuyết M mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

+ Luật sư Tô Thị Bích Liên: Thống nhất với quan điểm đề nghị của Luật sư đồng nghiệp. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại khối lượng ma túy, bị cáo Tuyết M chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy bị cáo bị bắt quả tang. Đối với ma túy thu giữ tại nhà bị cáo V, Tuyết M không biết khối lượng, loại và nguồn gốc ma túy do V mua, cũng không tham gia phân chia ma túy với V, nên Cáo trạng buộc bị cáo Tuyết M phải chịu trách nhiệm đối với cả số ma túy thu giữ tại nhà bị cáo V là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Quách Tuyết M theo khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tuyết M mức án phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh M là Luật sư Nguyễn Văn Quỳnh trình bày quan điểm bào chữa như sau: Đồng ý tội danh mà bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Anh M, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mục đích phạm tội của bị cáo, không phải vì lợi nhuận mà chỉ vì muốn giữ mối khách đến mua hàng của bị cáo. Trong 02 lần phạm tội thì chỉ có một lần xác định được người mua ma túy còn một lần chỉ duy nhất có lời khai của bị cáo, nên chưa đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội 02 lần. Bị cáo phạm tội một lần nên không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251 và tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Anh M mức án từ 03 đến 04 năm tù là phù hợp.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Kim P là Luật sư Phan Ngọc Huyền Trân trình bày quan điểm bào chữa như sau: Đồng ý về tội danh mà bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, ngoài tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, như đại diện Viện kiểm sát nhận định, bị cáo còn các tình tiết sau: tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc N là Luật sư Nguyễn Quang Vũ trình bày quan điểm bào chữa: Thống nhất về tội danh mà bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, trong suốt quá trình điều tra bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tại phiên tòa do không hiểu biết nên bị cáo khai chưa được rõ ràng; bị cáo không biết số lượng giá cả ma túy, nên phạm tội chỉ với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ đang bị bệnh, bị cáo là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc H là Luật sư Trần Ngọc Hòa trình bày quan điểm bào chữa: Không có ý kiến về tội danh mà bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo H, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, ngoài tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, bị cáo còn các tình tiết giảm nhẹ sau: Có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của địa phương nơi cư trú); Bị cáo phạm tội vì dùng ma túy để giảm đau vết thương do tai nạn; Bị cáo có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận đối đáp với các Luật sư:

- Về tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà các Luật sư bào chữa cho bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Nguyễn Anh M, Nguyễn Quốc H, Phan Thị Kim P, Nguyễn Ngọc N đề nghị là thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nên không có ý kiến gì khác.

- Đối với đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo V và Tuyết M về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì hai bị cáo có ông bà nội, ngoại là người có công với nước, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định trên cơ sở tài liệu chứng cứ các bị cáo xuất trình tại phiên tòa.

- Các bị cáo Ngọc N, H có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ theo Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không chấp nhận đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Ngọc N, Huy.

- Đối với đề nghị của các Luật sư về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo V, Tuyết M, P. Do việc các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên không có căn cứ áp dụng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Luật sư bào chữa cho các bị cáo V, Tuyết M, P đề nghị.

- Đối với đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Quách Tuyết M; áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Nguyễn Anh M như Luật sư bào chữa cho hai bị cáo đề nghị.

Nhận thấy:

Bị cáo Tuyết M là em họ, cùng sống sinh hoạt trong nhà, được bị cáo V cho ăn ở trong thời gian dài, biết rõ hành vi mua bán ma túy của bị cáo V và giúp sức tích cực cho V trong việc mua bán ma túy, nên bị cáo Tuyết M phải chịu trách nhiệm cùng với bị cáo V là có căn cứ.

Do có 02 người nghiện ma túy hỏi mua ma túy của bị cáo Anh M nên bị cáo Anh M hỏi mua ma túy của V và Tuyết M 02 lần, sau đó cung cấp địa điểm của 02 người người mua ma túy cho Tuyết M mang ma túy đi giao, trong đó đã

giao được 01 lần cho bị cáo Yến N, còn lần thứ hai Tuyết M đang đi giao cho người tên Thảo thì bị bắt. Như vậy kết luận bị cáo Minh đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy 02 lần là có cơ sở.

Qua phân tích đánh giá như nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Sau khi tranh luận đối đáp, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét thấy lời khai của các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M, Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N, Phan Thị Kim P và Nguyễn Quốc H tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua đó đã có đủ cơ sở xác định:

+ Quách Đạo V quen biết 01 người có biệt danh “Khẩu trang” qua ứng dụng xã hội Telegram có buôn bán ma túy các loại nên đã nhiều lần mua ma túy của người này về bán lại cho người khác kiếm lời. Mỗi lần mua khoảng 50 gam Ketamine với giá 22.000.000 đồng, 50 viên thuốc lắc với giá 130.000 đồng/01 viên. Ma túy mua về V phân chia đóng gói từ 01 gam đến 2,5 gam Ketamine bán lại với giá 800.000 đồng đến 2.300.000 đồng, 01 viên thuốc lắc với giá từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng. Sau khi phân chia, V giao cho Tuyết M cất giữ một phần để khi có khách mua thì Tuyết M chủ động đi giao, phần ma túy còn lại, V cất giữ tại nhà số B, đường Y, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh khi có người hỏi mua thì V đưa cho Tuyết M mang đi bán.

+ Quách Tuyết M là em họ ở chung nhà, phụ giúp V mua bán ma túy bằng việc liên lạc với người mua ma túy, nhận thông tin yêu cầu từ người mua để chuyển cho V. Người mua ma túy sẽ chuyển tiền mua ma túy cho V qua tài khoản ngân hàng ACB của V. Sau đó Tuyết M trực tiếp đi giao ma túy cho người mua.

Từ khoảng tháng 6/2024 cho đến khi bị bắt, V và Tuyết M đã nhiều lần bán ma túy cho khách quen biết qua mạng xã hội, trong đó bán cho Cao Thị Thanh T 02 lần với tổng số lượng ma túy là 05 gam Ketamine, 5,3057 gam loại MDMA; bán cho Nguyễn Anh M 02 lần với tổng số lượng ma túy là 02 gam Ketamine, 05 viên ma túy; bán cho Nguyễn Quốc H 03 lần nhưng không nhớ cụ thể chỉ nhớ lần gần nhất là ngày 18/9/2024, bán cho H 2,5 gam Ketamine.

+ Cao Thị Thanh T biết V và Tuyết M có bán ma túy nên T đã mua ma túy của Tuyết M, V về bán lại cho khách hưởng tiền chênh lệch. Khi có khách đặt mua ma túy, T sẽ thỏa thuận số lượng, giá cả với khách trước. Sau đó liên hệ với Tuyết M hoặc V để cung cấp số lượng, loại ma túy và địa chỉ của khách cho V hoặc cho Tuyết M đi giao và khách sẽ trả tiền mua ma túy qua tài khoản Ngân hàng ACB của V. Từ khoảng tháng 08/2024 cho đến ngày 18/9/2024, T đã nhiều lần mua ma túy của V để bán cho khách, trong đó ngày 06/9/2024, một người (không rõ lai lịch) mua của T 2,5 gam Ketamine; lần thứ hai là ngày 18/9/2024, người phụ nữ (không lai lịch) liên hệ với T đặt mua 2,5 gam Ketamine với giá 2.600.000 đồng và 11 viên ma túy có khối lượng 5,3057 gam loại MDMA với giá 280.000 đồng/01viên. T nhắn tin thông báo cho Tuyết M và V biết thông tin và yêu cầu của khách để Tuyết M mang ma túy đi giao cho khách, nhưng chưa kịp giao thì bị bắt giữ.

+ Ngày 18/9/2024 Nguyễn Anh M đã 02 lần mua ma túy của Tuyết M về bán lại để hưởng cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/9/2024, Lê Thị Yến N gọi Zalo cho Anh M nhờ mua 01 gam ketamine và 01 viên ma túy. Anh M liên hệ với Tuyết M hỏi mua 01 gam Ketamine, 01 viên ma túy với giá 1.300.000 đồng và yêu cầu Tuyết M giao ma túy cho Yến N tại địa chỉ số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/9/2024, người tên Thảo (không rõ lai lịch) gọi Zalo nhờ Anh M mua 01 gam Ketamine và 04 viên ma túy. Anh M liên hệ với Tuyết M mua thì Tuyết M báo giá 2.150.000 đồng. Anh M đồng ý và yêu cầu Tuyết M giao ma túy qua trung tâm thương mại cho Thảo. Sau đó, Thảo chuyển tiền mua ma túy cho Anh M 2.400.000 đồng, Anh M hưởng lợi 250.000 đồng.

+ Nguyễn Quốc H biết V có bán ma túy, nên đã 03 lần mua ma túy V về sử dụng. Trong đó 02 lần đầu H không nhớ rõ, lần thứ 3 vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18/9/2024, H mua của V 2,5 gam Ketamine với giá 2.500.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy, H lấy một ít ma túy ra sử dụng, số còn lại cất giấu trong túi quần cho đến khi Công an kiểm tra tra hành chính nơi ở thì H đã lấy ra giao nộp cho Công an.

+ Ngày 18/9/2024, Lê Thị Yến N gọi cho Nguyễn Anh M nhờ mua 01 gam Ketamine và 01 viên ma túy để nhóm của Yến N gồm có Yến N, Nguyễn Ngọc N và Phan Thị Kim P sử dụng tại chỗ ở của Yến N và L. Cả nhóm thỏa thuận cùng mua ma túy về để sử dụng chung, tiền mua ma túy chia đều cho cả 03

người. Khi nhận ma túy, Yên N đưa cho L để “xào nấu” cho cả nhóm sử dụng, riêng L thì không sử dụng ma túy.

Nhận thấy:

Bị cáo Quách Đạo V đã có hành vi nhiều lần mua ma túy về cất giấu trong nhà, phân chia thành gói nhỏ để bán lại cho người khác nhằm hưởng lợi. V thuê Quách Tuyết M phụ giúp cất giấu ma túy, tìm người mua ma túy và mang đi bán cho khách mua ma túy. Do đó Quách Đạo V và Quách Tuyết M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với khối lượng ma túy là 44,8509 gam MDMA; 37,8787 gam Ketamine và 16,4380 gam Ketamine (gồm ma túy thu giữ của M và V là 39,5452 gam MDMA; 16,4380 gam Ketamine và 30,8698 gam Ketamine; ma túy bán cho H là 2,5 gam Ketamine; bán cho Anh M là 02 gam Ketamine và bán cho T là 4,5089 gam Ketamine và 5,3057 gam MDMA);

Các bị cáo Nguyễn Anh M và Cao Thị Thanh T đã 02 lần mua ma túy của Quách Đạo V và Quách Tuyết M để bán lại cho người khác nhiều lần nhằm hưởng lợi. Trong đó Nguyễn Anh M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đối với ma túy đã mua bán (gồm ma túy bán cho Thảo và Yên N); Cao Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với ma túy đã mua bán trong ngày 06/9/2024 là 2,5 gam Ketamine và ngày 18/9/2024 là 2,5 gam Ketamine và 5,3057 gam, loại MDMA.

Các bị cáo Lê Thị Yên N, Nguyễn Ngọc N, Phan Thị Kim P có hành vi cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng chung tại phòng trọ do Cao Tiến L, Lê Thị Yên N thuê tại số H, đường I, phường R, quận H (nay là phường F), Thành phố Hồ Chí Minh. Cao Tiến L còn có hành vi càn nhuyển xào trộn ma túy và dùng tờ tiền quần lại làm ông hút cho Yên N, P, Ngọc N sử dụng ma túy. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết “Đối với 02 người trở lên”.

Bị cáo Nguyễn Quốc H có hành vi mua ma túy của V và Tuyết M về cất giấu trong người để sử dụng. Do đó, H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang là 1,0099 gam Ketamine.

Xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Cao Thị Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Nguyễn Anh M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N và Phan Thị Kim P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kể từ ngày 01/7/2025 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên do các quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 3 Điều 251; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025 là không có lợi cho người phạm tội, nên không áp dụng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà sau thời điểm đó đang bị xét xử. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các bị cáo theo các quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa các Luật sư bào chữa cho bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Nguyễn Anh M, Nguyễn Quốc H, Phan Thị Kim P, và Nguyễn Ngọc N thống nhất với bản Cáo trạng về tội danh áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M, Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N và Phan Thị Kim P là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc H là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, mặt khác đây còn là nguyên nhân làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, là nguồn gốc phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo biết rõ ma túy là một loại tệ nạn xã hội, hành vi mua bán, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Đây là vụ án có nhiều người tham gia, đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Bị cáo V là người bỏ tiền ra mua ma túy về phân nhỏ rồi đưa cho bị cáo Tuyết M đem bán cho khách. Bị cáo Tuyết M xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn được V cho ăn ở và tiền tiêu xài đã đồng ý giúp V đi bán ma túy. Bị cáo V là người giữ vai trò chính, nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Tuyết M.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Phan Thị Kim P và Nguyễn Ngọc N cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó các bị cáo L, Yến N dùng phòng trọ của bản thân làm nơi cho đồng bọn cùng sử dụng ma túy. Các bị cáo Yến N, P, Ngọc N góp tiền mua ma túy về cho nhau sử dụng chung. Bị cáo Cao Tiến L đã có hành vi giúp sức cho Yến N, P, Ngọc N sử dụng ma túy. Các bị cáo Yến N, L

là người thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nhất, nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo P, Ngọc N.

Các bị cáo Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M và Nguyễn Quốc H thực hiện hành vi phạm tội một cách độc lập, nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với khối lượng ma túy đã mua bán, tàng trữ.

Các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M nhiều lần mua ma túy về cất giấu trong nhà, phân chia thành gói nhỏ để bán lại cho người khác nhằm hưởng lợi, nên khi lượng hình đối với các bị cáo cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Thị Yến N, Nguyễn Anh M thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, tuy nhiên do tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” đã là tình tiết định khung hình phạt, nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo Yến N, Anh M.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, mới đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M, Nguyễn Quốc H, Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N và Phan Thị Kim P và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, về tội danh, khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo, cơ bản là thống nhất với nhau thống nhất với bản Cáo trạng là có cơ sở, nên chấp nhận. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng đối với đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Quách Tuyết M; áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Nguyễn Anh M như Luật sư bào chữa cho hai bị cáo đề nghị là không có căn cứ, nên không chấp nhận. Theo đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Xét xử bị cáo Quách Tuyết M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Xét xử bị cáo Nguyễn Anh M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

Xét đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo V, Tuyết M, Ngọc N, H về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo, vì hai bị cáo V, Tuyết M có ông bà nội, ngoại là người có công với nước; các bị cáo Ngọc N, H có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình (được địa phương nơi cư trú xác nhận), là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với đề nghị của các Luật sư về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo V, Tuyết M, P. Do việc các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, thuộc trường hợp quy

định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không có đủ căn cứ để chấp nhận.

Đối với các bị cáo Cao Thị Thanh T, Cao Tiến L và Lê Thị Yến N, cũng xem xét các bị cáo nhân thân tốt, có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, nên khi lượng hình cũng cần phải áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo trong nhóm phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, phạt mỗi bị cáo một khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

Riêng các bị cáo trong nhóm phạm tội tổ chức sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy, có hoàn cảnh khó khăn, không hưởng lợi từ hành vi phạm tội, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với các viên ma túy mà V và Tuyết M đã bán cho Minh để Minh bán lại cho Thảo và Yến N, do không thu được ma túy nên không xác định được khối lượng và loại ma túy. Do đó, không có cơ sở để truy cứu chịu trách nhiệm hình sự đối với các viên ma túy này.

Đối với đối tượng bán ma túy sử dụng tài khoản Telegram tên “Khẩu trang” và những người mua ma túy của V và Minh do không xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục truy tìm, khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng mua ma túy của Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Nguyễn Anh M và Cao Thị Thanh T, do các bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có đủ cơ sở để điều tra xử lý, khi nào xác định được nhân thân lai lịch sẽ đề nghị xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm có:

* Đối với:

- 02 gói giấy được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 02 gói giấy được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định

- 01 gói giấy được niêm phong ghi vụ (3413/24) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

Là vật cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

*Đối với:

- 02 cân điện tử; 02 hộp giấy bên ngoài có chữ GUCCI bên trong chứa nhiều túi Nylon chưa qua sử dụng; 01 đoạn ống nhựa màu; 01 túi vải màu đỏ; 01 túi nylon màu trắng; 01 miếng bìa in chữ “UHT Fresh Milk”; 01 bốp màu hồng và nhiều gói nylon chưa qua sử dụng;

- 01 túi nylon bên ngoài ghi vụ (3412/24) bên trong chứa nhiều gói nylon đã qua sử dụng sau khi đã phục vụ giám định dấu vết đường vân.

- 01 túi nylon bên ngoài ghi vụ (3411/24) bên trong chứa nhiều gói nylon đã qua sử dụng sau khi đã phục vụ giám định dấu vết đường vân;

- 01 đèn chiếu màu đen; 01 cái loa; 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa.

Là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và là vật không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

* Đối với:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone - Quách Đạo V (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu bạc, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu iphone của Quách Tuyết M; 01 điện thoại di động hiệu iphone của Cao Thị Thanh T; 01 điện thoại di động hiệu iphone của Nguyễn Anh M; 01 điện thoại di động hiệu iphone của Nguyễn Quốc H; 01 điện thoại di động màu xanh hiệu iphone của Lê Thị Yến N. Các bị cáo khai là điện thoại của các bị cáo có sử dụng vào việc phạm tội; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn dùng để sử dụng ma túy. Là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển số 59D2-259.93. Qua xác minh, xe này do ông Đinh Văn B đứng tên chủ sở hữu. Ông B cho Đinh Thái T (vợ của V) để sử dụng cá nhân. Chị Thái T không biết Quách Đạo V giao chiếc xe này cho Quách Tuyết M sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại chiếc xe trên cho Đinh Văn B;

- 01 xe mô tô hiệu HONDA biển số 59HA- 060.40. Qua xác minh, xe do V đứng tên chủ sở hữu, V sử dụng vào việc đưa đón con hàng ngày không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại chiếc xe trên cho Quách Đạo V;

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 3 màu trắng biển số 51H- 754.79. Qua xác minh, xe do chị Đinh Thái T (vợ V) đứng tên chủ sở hữu, là tài sản riêng của chị Đinh Thái T có từ trước khi kết hôn với V, không liên quan đến hành vi phạm tội của V, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đinh Thái T (bút lục 100);

- 02 điện thoại di động hiệu iphone của Quách Đạo V; 02 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi của Cao Tiến L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Phan Thị Kim P; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung của Nguyễn Quốc H; 01 điện thoại di động hiệu iphone của Nguyễn Ngọc N, các bị cáo đều khai dùng

vào việc liên lạc với bạn bè và người thân trong gia đình, không dùng vào việc phạm tội. Do không liên quan đến vụ án, nên trả lại điện thoại trên cho các bị cáo.

- Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Quách Đạo V khai nhận thu lợi được khoảng 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng; bị cáo T thu lợi 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đồng, bị cáo Anh M thu lợi 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng đã tiêu xài cá nhân hết. Đây là tài sản do phạm tội mà có, nên buộc các bị cáo nộp lại tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Quách Đạo V 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 21/9/2024.

- Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Quách Tuyết M 16 (mười sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 21/9/2024.

- Căn cứ vào điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Thanh T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 21/9/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh M 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 23/9/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Cao Tiến L từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 24/9/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Yến N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 25/9/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 24/9/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim P 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 24/9/2024.

- Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam 21/9/2024.

[2] Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01(một) gói giấy được niêm phong ghi vụ (3411/24 gói 1) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yên và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói giấy được niêm phong ghi vụ (3411/24 gói 2) bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Yên và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) túi nylon bên ngoài ghi vụ (3412/24) bên trong chứa nhiều gói nylon đã qua sử dụng sau khi đã phục vụ giám định dấu vết đường vân.

- 01(một) gói giấy được niêm phong ghi vụ (3411/24 gói 1) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói giấy được niêm phong ghi vụ (3412/24 gói 2) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) túi nylon bên ngoài ghi vụ (3412/24) bên trong chứa nhiều gói nylon đã qua sử dụng sau khi đã phục vụ giám định dấu vết đường vân.

- 01 (một) gói giấy được niêm phong ghi vụ (3413/24) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Yến và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) gói giấy được niêm phong ghi vụ (3502/24) bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phạm Huỳnh Minh Trí và Điều tra viên Vũ Đình Hiệp bên trong là 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn còn lại sau giám định.

- 01 (một) đèn chiếu màu đen (cũ, hỏng); 01 (một) cái loa; 01 (một) đĩa sứ; 01 (một) thẻ nhựa; 02(hai) cân điện tử; 02(hai) hộp giấy bên ngoài có chữ GUCCI bên trong chứa nhiều túi nylon chưa qua sử dụng dạng túi zip; 01 (một) đoạn ống nhựa màu đen được cắt vát 01 đầu; 01 (một) túi vải màu đỏ; 01 túi nylon màu trắng; 01 miếng bìa in chữ “UHT Fresh Milk”; 01 bốp màu hồng và nhiều gói nylon chưa qua sử dụng.

* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone - Quách Đạo V (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu bạc, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Quách Tuyết M (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu hồng, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone - Cao Thị Thanh T (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu trắng, pin phù, bung máy, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone - Nguyễn Anh M (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, không sim, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone - Nguyễn Quốc H (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

- 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Iphone - Lê Thị Yến N (không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

* Trả cho ông Đinh Văn B 01 xe gắn máy, nhãn hiệu hiệu HONDA, loại SH MODE, dung tích xilanh: 124, biển số 59D2-259.93, số khung: RLHJF5126FY152259; SM: JF51E0404756 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra)

* Trả cho Quách Đạo V 01 xe gắn máy, nhãn hiệu HONDA, số loại Vision, dung tích xilanh: 109.5, biển số 59HA- 060.40, số khung: RLHJK0333RZ106651, SM: JK03E-4919909 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

* Trả cho Cao Tiến L: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi màu đen – Cao Tiến L (thực nhận 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi kiểu dáng redmi màu đen, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi màu trắng – Cao Tiến L (không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

* Trả cho Quách Đạo V 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone – Quách Đạo V (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu tím, Imei khay sim do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Iphone – Quách Đạo V (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, Imei khay sim:...377533, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

* Trả cho: Phan Thị Kim P: 01 điện thoại di động hiệu Iphone – Phan Thị Kim P (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

* Trả cho: Nguyễn Ngọc N 01 điện thoại di động hiệu Iphone - Nguyễn Ngọc N (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong);

* Trả cho: Nguyễn Quốc H 01 điện thoại di động hiệu SamSung- Nguyễn Quốc H (không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

(Các vật chứng nêu trên hiện đang được lưu giữ, theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK250/2025, ngày 10/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

* Buộc bị cáo Quách Đạo V nộp lại 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng; bị cáo Cao Thị Thanh T nộp lại 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đồng,

bị cáo Nguyễn Anh M nộp lại 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[3] Về án phí:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M, Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N và Phan Thị Kim P và Nguyễn Quốc H, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo Quách Đạo V, Quách Tuyết M, Cao Thị Thanh T, Nguyễn Anh M, Cao Tiến L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Ngọc N, Phan Thị Kim P, Nguyễn Quốc H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Trại tạm giam; | (2) |
| - Người bào chữa; | (2) |
| - Đường sự; | (0) |
| - THAHS TP.HCM; | (2) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (24) | (4) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Công Huân



